

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40 /2012/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 28 tháng 8 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định mức chi cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2012/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa VIII, kỳ họp thứ 4 về việc quy định mức chi cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1247/TTr-STP ngày 06 tháng 8 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về mức chi cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.


Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở Tài chính, Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Cục KTrVB - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Văn phòng UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thu Thủy

Nguyễn Thị Thu Thủy

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



QUY ĐỊNH
Mức chi cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản
quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Tây Ninh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2012/QĐ-UBND ngày 28/8/2012 của UBND tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung chi, mức chi; việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- a) Sở Tư pháp;
- b) Tổ chức pháp chế các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- c) Phòng Tư pháp các huyện, thị xã;
- d) Các cơ quan, tổ chức được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu, kế hoạch;
- đ) UBND cấp xã (công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật).

Chương II

NỘI DUNG CHI, MỨC CHI VÀ DỰ TOÁN, QUYẾT TOÁN KINH PHÍ

Điều 3. Nội dung chi và mức chi có tính chất đặc thù

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị tính: nghìn đồng)	
			Tỉnh	Huyện
1	Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch			

	(bao gồm cả xử lý văn bản tại cơ quan được kiểm tra); họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan kiểm tra.			
1.1	Mức chi cho chủ trì cuộc họp	Người/buổi	120	100
1.2	Mức chi cho các thành viên dự cuộc họp.	Người/buổi	80	60
2	Mức chi lấy ý kiến chuyên gia đối với các văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp	01 báo cáo/ 01 văn bản	500	300
3	Mức chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra văn bản khi phát hiện văn bản trái pháp luật	01 văn bản trái pháp luật	80	60
4	Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản			
4.1	Mức chi chung	01 văn bản	120	80
4.2	Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp	01 văn bản	250	180
5	Chi soạn thảo, viết báo cáo			
5.1	Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật	01 báo cáo	160	100
5.2	Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản theo chuyên đề, địa bàn, theo ngành, lĩnh vực (bao gồm cả báo cáo liên ngành, sở, ngành tỉnh, UBND huyện, thị)	01 báo cáo	800	500
5.3	Trường hợp phải thuê các chuyên gia bên ngoài cơ quan	01 báo cáo	1.200	800
6	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản			
6.1	Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra văn bản để lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra	01 văn bản	80	50
6.2	Chi rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật, lập danh mục các văn bản, các quy định đã hết hiệu lực thi hành, danh mục các văn bản còn hiệu lực nhưng trong đó có những quy định cần được sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thuộc ngành, lĩnh	01 văn bản	80	50

	vực do HĐND, UBND cấp tỉnh, huyện ban hành.			
6.3	Riêng chi rà soát, lập danh mục các văn bản, các quy định đã hết hiệu lực thi hành, danh mục các văn bản còn hiệu lực nhưng trong đó có những quy định cần được sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thuộc ngành, lĩnh vực do HĐND, UBND cấp xã ban hành.	01 văn bản	40	
6.4	Chi thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí... phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.	01 tài liệu (01 văn bản)	60	40

Điều 4. Nội dung chi khác

Các nội dung chi còn lại thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch 122/2011/TTLT-BTP-BTC ngày 17/8/2011 của liên Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật và các quy định hiện hành.

Điều 5. Lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

1. Nguồn kinh phí cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản của cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo theo quy định Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

2. Hàng năm, căn cứ vào yêu cầu công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản và căn cứ vào nội dung chi, mức chi quy định tại Điều 3, 4, 5 Quy định này, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, UBND cấp xã lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản tổng hợp chung vào dự toán ngân sách chi thường xuyên hàng năm gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Đối với các tổ chức pháp chế không phải là đơn vị dự toán, hàng năm căn cứ vào các nội dung chi và mức chi tại Quy định này và kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa được duyệt, lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản gửi bộ phận tài chính của cơ quan mình để tổng hợp chung vào dự toán kinh phí của cơ quan theo quy định.

4. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã

1. Sở Tài chính phối hợp với Sở Tư pháp có văn bản hướng dẫn cụ thể về cách thức, trình tự, thủ tục lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đúng các quy định tại quy định này; tổng hợp các ý kiến phản ánh tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã căn cứ vào thẩm quyền và kế hoạch công tác hàng năm có trách nhiệm xây dựng dự toán ngân sách và bố trí kinh phí cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật áp dụng trên địa bàn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn lập dự toán và bố trí kinh phí cho công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Thu Thủy